

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh dự án Kè chống sạt lở bờ sông Tiền
(đoạn từ sông Cái Đồi đến bến phà Mỹ Thuận cũ), phường Tân Hòa,
thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công, ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Xây dựng, ngày 18 tháng 6 năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP, ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 152/TTr-STC, ngày 23 tháng 4 năm 2025 (kèm theo Báo cáo số 132/BC-STC-THQH ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Sở Tài chính).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự án Kè chống sạt lở bờ sông Tiền (đoạn từ sông Cái Đồi đến bến phà Mỹ Thuận cũ), phường Tân Hòa, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, cụ thể:

1. Điều chỉnh Quyết định số 2650/QĐ-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh như sau:

Theo Quyết định số 2650/QĐ-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	Nội dung điều chỉnh
13. Tổng mức đầu tư: 292.001.834.495 đồng. Trong đó: Chi phí xây dựng: 211.124.446.158 đồng; Chi phí quản lý dự án: 3.283.944.794 đồng;	13. Tổng mức đầu tư: 560.044.854.416 đồng. Trong đó: Chi phí xây dựng: 342.582.595.823 đồng; Chi phí quản lý dự án: 5.154.310.874 đồng;

Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 10.097.789.240 đồng; Chi phí khác: 7.878.593.937 đồng; Chi phí bồi thường và hỗ trợ tái định cư: 45.712.211.104 đồng; Chi phí dự phòng: 13.904.849.262 đồng.	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 15.649.609.034 đồng; Chi phí khác: 13.102.316.072 đồng; Chi phí bồi thường và hỗ trợ tái định cư: 132.642.854.030 đồng; Chi phí dự phòng: 50.913.168.583 đồng.
16. Thời gian thực hiện: Năm 2022-2025	16. Thời gian thực hiện: Năm 2022-2027 (thời gian bố trí vốn thực hiện dự án từ năm 2025)

2. Điều chỉnh Quyết định số 2650/QĐ-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh như sau:

Theo Quyết định số 1649/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	Nội dung điều chỉnh
15. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ giai đoạn 2021-2025 là 220.000 triệu đồng và nguồn vốn ngân sách địa phương.	15. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách Trung ương và vốn ngân sách địa phương. Trong đó, giai đoạn 2021-2025: vốn ngân sách Trung ương là 265.342 triệu đồng và vốn ngân sách địa phương là 57.254 triệu đồng; phần vốn còn lại sẽ được cân đối trong giai đoạn 2026-2030.

Các nội dung khác giữ nguyên theo Quyết định số 2650/QĐ-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2021 và Quyết định số 1649/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và môi trường (chủ đầu tư) triển khai thực hiện các công việc tiếp theo đúng quy định hiện hành của nhà nước về đầu tư xây dựng; chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung giải trình điều chỉnh dự án.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XVII, Chủ tịch UBND thành phố Vĩnh Long, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và môi trường và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này;

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Phòng KT-NV;
- Lưu: VT, 128.KTNV.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH